TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14a/2023/DS-PT
Ngày: 08/09/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Khanh.

Bà Đỗ Thu Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Hoàng Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Lò Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-DS ngày 20/06/2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2023/QĐ-PT ngày 16/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quàng Văn K, sinh năm: 1982; địa chỉ: Bản P, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; hiện trú tại: Bản P, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền: Văn phòng L; địa chỉ: Số D đường L, tổ C, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng L: Ông Vũ Đức T – Trưởng Văn Phòng.

2. Bị đơn: Doanh nghiệp Tư nhân xây dựng Miền Trung tỉnh Đ; địa chỉ trụ sở: Số E, tổ dân phố A (nay là tổ dân phố I), phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Đ – Giám đốc; địa chỉ: Cụm B, thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; hiện trú tại: P.204 B1 HUD2CT2 T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn T1, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (Khu dân cư B, thành phố S); địa chỉ hiện nay: KĐT P Hà Nội - Đường L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ông Quàng Văn K, sinh năm: 1982; địa chỉ: Bản P, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; hiện trú tại: Bản P, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La.

Những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm: Ông Quàng Văn K, ông Vũ Đức T, ông Võ Văn Đ, ông Vũ Văn T1 đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2016 ông Quàng Văn K có ký Hợp đồng kinh tế với Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Miền trung tỉnh Đ (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp M) để cung cấp dịch vụ cho thuê thiết bị phục vụ thi công công trình đường giao thông gói thầu số 11 đoạn Km 0 - 0.00 đến km 4 + 580 (M - C) huyện S, tỉnh Sơn La.

Sau khi ký hợp đồng, ông K được ông Vũ Văn T1 là cán bộ kỹ thuật của Doanh nghiệp Miền trung trực tiếp giao thực hiện các công việc trên công trình bắt đầu từ ngày 10/7/2016.

Đến ngày 16/01/2017 ông K chấm dứt hợp đồng do Doanh nghiệp Miền trung chậm thực hiện thanh toán tiền.

Tính từ ngày 10/7/2016 đến ngày 16/01/2017 hai bên đã thực hiện hợp đồng trên thực tế bằng các công việc đã được thực hiện và giá trị đã được ông Vũ Văn T1 tổng hợp, xác nhận khối lượng công việc, thời gian làm việc và giá trị thanh toán để Doanh nghiệp làm căn cứ thanh toán cho ông K với tổng số tiền 227.879.000 đồng. Doanh nghiệp M đã thanh toán cho ông K 100.000.000 đồng, còn nợ lại 127.879.000 đồng (có xác nhận của ông T1 theo sổ theo dõi công việc của ông K).

Từ khi chấm dứt hợp đồng (ngày 16/01/2017) Doanh nghiệp M không thực hiện thanh toán số tiền còn nợ cho ông K mặc dù ông K nhắc nhở, yêu cầu nhiều lần.

Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án số 09/2020/DS-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và tại bản án số 06/2021/DS-PT ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên hủy bản án sơ thẩm vì một trong các lý do là chủ thể khởi kiện, ký đơn khởi kiện không có quyền khởi kiện và ký đơn.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là: Buộc Doanh nghiệp M phải trả cho ông K tổng số tiền 208.158.594 đồng. Trong đó: số tiền còn nợ là 127.879.000

đồng và số tiền lãi tính từ ngày 16/01/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 80.279.594 đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của bị đơn - ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông Vũ Văn T1 không phải là cán bộ thuộc biên chế của Doanh nghiệp. Ông Đ không ký hợp đồng lao động mà chỉ thuê làm thời vụ (cộng tác viên) với ông T1 để ông T1 thực hiện nhiệm vụ: làm khối lượng và hồ sơ liên quan đến việc thanh toán các công trình (cụ thể: bóc tách dự toán công trình để lên khối lượng chi tiết để thực hiện công trình, hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán), thỉnh thoảng đi kiểm tra về mặt chuyên môn một số công trình mà Doanh nghiệp Miền trung thực hiện. Ông Đ không thỏa thuận, không thuê ông T1 trong việc: Chỉ đạo về kỹ thuật thi công xây dựng, điều hành toàn bộ máy móc thiết bị, nhân lực của Doanh nghiệp hoặc Doanh nghiệp thuê trên công trường vì những công việc này ông Đ đã thuê ông Nguyễn Văn T2 (hiện nay không rõ địa chỉ) chỉ đạo thi công trực tiếp. Việc xác nhận khối lượng, giá trị thực hiện của đơn vị do công ty thuê để báo cáo giám đốc thanh toán thi công cũng là việc của ông T2.

Ông Đ thuê ông T1 kiểm tra lại các khối lượng công trình thi công đường giao thông trung tâm xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay ông T1 chưa báo cáo, chưa cung cấp cho ông Đ tài liệu nào liên quan đến việc chốt khối lượng, thanh toán tiền với cá nhân, tổ chức nào trong đó có ông Quàng Văn K. Ông Đ không lập biên bản bàn giao công việc, đối chiếu khối lượng, công nợ với ông Quàng Văn K cũng như Vũ Văn T1.

Ông Đ không đồng ý về Hợp đồng lao động số 93-HĐLĐ ngày 12/8/2016 giữa bên A: Doanh nghiệp M và bên B: Ông Vũ Văn T1 do ông Quàng Văn K giao nộp. Theo ông Đ đây là hợp đồng giả tạo vì chữ ký tại phần "NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG" ở cuối hợp đồng không phải là chữ ký của ông Đ và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định đối chữ ký này. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

2.1. Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La ngày 15/5/2019 và bản tự khai ngày 15/5/2019, ông Vũ Văn T1 trình bày:

Ông Vũ Văn T1 và ông Quàng Văn K không có quan hệ gì, ông T1 biết ông K khi ông K làm hợp đồng dịch vụ cho Doanh nghiệp M tại huyện S, tỉnh Sơn La, nơi ông T1 công tác và làm việc. Ông T1 khẳng định: "Chữ ký mang tên Vũ Văn T1 tại phần tổng giá trị chốt trong Bảng chấm công máy xúc gồm 04 trang do ông K giao nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Sơn La là chữ ký của ông T1; lý do ông T1 ký tên vào bảng chấm công là vì ông là người được Doanh nghiệp M phân công công việc tổng hợp cho Doanh nghiệp trong việc xác nhận khối lượng công việc, thời gian làm việc và giá trị thanh toán để Doanh nghiệp làm căn cứ thanh toán với ông K. Ông T1 không có quyền và nghĩa vụ thanh toán tiền công cho ông K. Việc xác nhận khối lượng làm việc và chốt giá trị tiền công thanh toán tại tài liệu do ông K cung cấp là có thật và ông T1 khẳng định

giữa ông K và Doanh nghiệp M có lập hợp đồng với nhau về việc thuê máy móc, thiết bị để thi công công trình. Đến thời điểm ngày 16/01/2017, Doanh nghiệp đã thanh toán cho ông K số tiền 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng; số tiền còn nợ ông K là 127.879.000 đồng. Đến nay, Doanh nghiệp đã thanh toán cho ông K hay chưa, ông không biết.

Ông T1 làm công việc tổng hợp và báo cáo Ban giám đốc Doanh nghiệp trên cơ sở số liệu cán bộ hiện trường chấm công cho ông K; ông T1 yêu cầu ông K liên hệ với Doanh nghiệp để thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án đã yêu cầu ông T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình là hợp pháp, triệu tập ông Vũ Văn T1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ, vắng mặt không có lý do và không có văn bản trả lời hoặc yêu cầu độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ của Toà án:

3.1. Xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại Toà án nhân dân thành phố Sơn la, tỉnh Sơn La như sau:

- Tại văn bản trả lời của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La: Bản gốc Hợp đồng lao động số 93-HĐLĐ ngày 12/8/2016 giữa bên A: Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Miền Trung tỉnh Đ và bên B: Ông Vũ Văn T1 hiện không được lưu giữ trong hồ sơ của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng xác minh về việc có mặt của ông Vũ Văn T1 tại Công an phường C thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Qua xác minh hiện ông T1 đang cư trú, làm việc tại Hà Nội.

- Tòa án cũng xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Viện kiểm sát cùng cấp, tuy nhiên ông Đ, ông T1 không trả lời và cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu. Do ông Đ không nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, các đương sự không cung cấp được Hợp đồng lao động gốc nên không có tài liệu để giám định chữ ký trong hợp đồng.

3.2. Xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại phòng C, tỉnh Sơn La như sau:

- Ngày 09/8/2023 Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên có gửi Công văn số 332/CV-TA v/v cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ trong vụ án đến Văn phòng C1. Ngày 14/8/2023 Văn phòng C1, thành phố S, tỉnh Sơn La có công văn số 02/CV-VPCCQK trả lời Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phối hợp cung cấp thông tin như sau:

Căn cứ vào nghị định 23 năm 2015 tại Điều 14 quy định về chế độ lưu trữ:

Về nguyên tắc, thủ tục chứng thực bản sao có bản chính thì Văn phòng công chứng mới chứng thực vào bản sao. Nếu không có bản chính thì Văn phòng C1 không chứng thực bản sao.

Tài liệu chứng thực bản sao theo Nghị định 23 năm 2015 tại Điều 14 quy định về chế độ lưu trữ không lưu bản sao tại Văn phòng công chứng.

Theo sổ chứng thực lưu tại Văn phòng C1, ngày 05/11/2019 có ghi người đến chứng thực bản sao là ông Vũ Văn T3.

Còn chữ ký và con dấu trong bản Hợp đồng lao động có phải con dấu của Doanh nghiệp và chữ ký của Giám đốc Võ Văn Đ hay không, Văn phòng C1 không có đăng ký con dấu và chữ ký của người đại diện doanh nghiệp nên không xác nhận được con dấu và chữ ký giả hay thật trong hợp đồng lao động.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn cơ bản đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 2 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 513, 514, 516, 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 2 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 513, 514, 516, 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn K về việc: Buộc Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Miền Trung tỉnh Đ phải trả cho ông K tổng số tiền 208.158.594 đồng. Trong đó: số tiền còn nợ là 127.879.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 16/01/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 80.279.594 đồng.

- Về án phí: Ông Quàng Văn K phải chịu 10.408.000 (Mười triệu bốn trăm linh tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.204.000 (Bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/08199 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông K còn phải nộp số tiền án phí là 6.204.000 (Sáu triệu hai trăm linh bốn nghìn) đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 15/05/2023, TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo của ông Quàng Văn K với nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên huỷ hoặc sửa toàn bộ Bản án số 15/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quàng Văn K.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thỏa thuận, thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong bản án, cụ thể như sau:

* Đối với khoản tiền 208.158.594 triệu đồng. Trong đó số tiền còn nợ là 127.879.000 đồng tiền nợ gốc và số tiền tính lãi từ ngày 16/01/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm là 80.279.597 đồng nay ông T (người đại diện theo uỷ quyền của ông K) và ông Đ người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Miền Trung tỉnh Đ thống nhất, thoả thuận như sau:

Ông Võ Văn Đ có trách nhiệm trả cho ông Quàng Văn K tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Chia làm 02 lần trả vào các mốc thời gian cụ thể như sau:

- Lần 1: Trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 30/10/2023.

- Lần 2: Trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 30/12/2023.

* Về tiền án phí: - Tiền án phí DSST có giá ngạch là 10.000.000 đồng; Ông K phải chịu 5.000.000 đồng; Ông Đ phải chịu 5.000.000 đồng; Ông K được

khấu trừ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 4.204.000 (Bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/08199 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông K còn phải nộp thêm là 796.000 đồng án phí DSST có giá ngạch (chưa nộp). Ông Đ phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí DSST có giá ngạch (chưa nộp).

Tại phần tranh tụng trong phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên nhận xét:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự trong biên bản thoả thuận, đơn xin vắng mặt tại phiên toà, xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Nội dung thoả thuận đã giải quyết toàn bộ nội dung kháng cáo của đương sự và đề nghị Tòa án công nhận sự thoả thuận của các đương sự. VKSND tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm TAND tỉnh Điện Biên áp dụng căn cứ Điều 300 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Đề nghị TAND tỉnh Điện Biên giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn; Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự có tên nêu trên.

[1.2]. Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền thuê máy móc thiết bị theo Hợp đồng kinh tế đã ký đối với bị đơn có trụ sở tại phường T, thành phố Đ và các tài liệu chứng cứ các đương sự gửi kèm theo, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS để thụ lý và giải quyết là xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn gửi đơn kháng cáo trong hạn luật định, nội dung đơn đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 272/BLTTDS nên đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

[2]. Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thống nhất thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án, có biên bản thỏa thuận ngày 22/08/2023 nộp cho Tòa án và tại đơn xin vắng mặt tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với thoả thuận này, không có ý kiến gì thắc mắc, cụ thể nội dung thoả thuận như sau:

* Đối với khoản tiền 208.158.594 triệu đồng. Trong đó số tiền còn nợ là 127.879.000 đồng tiền nợ gốc và số tiền tính lãi từ ngày 16/01/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm vào ngày 26/4/2023 là 80.279.597 đồng nay ông T (người đại diện theo uỷ quyền của ông K) và ông Đ người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Miền Trung tỉnh Đ thống nhất, thoả thuận như sau:

Ông Võ Văn Đ có trách nhiệm trả cho ông Quàng Văn K tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Chia làm 02 lần trả vào các mốc thời gian cụ thể như sau:

- Lần 1: Trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 30/10/2023.

- Lần 2: Trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 30/12/2023.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX phúc thẩm chấp nhận sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Vì các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm nên căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận của các đương sự, số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả nguyên đơn là 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng án phí DSST có giá ngạch. Tuy nhiên tại biên bản thoả thuận ngày 22/8/2023 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã thống nhất thoả thuận như sau:

- Tiền án phí DSST có giá ngạch là 10.000.000 đồng; Ông K phải chịu 5.000.000 đồng; Ông Đ phải chịu 5.000.000 đồng; Ông K được khấu trừ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 4.204.000 (Bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/08199 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện

Biên. Ông K còn phải nộp thêm là 796.000 đồng án phí DSST có giá ngạch (chưa nộp). Ông Đ phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí DSST có giá ngạch (chưa nộp).

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ông Quàng Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0002230, ngày 25/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 238, khoản 2 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Điều 309; khoản 2 Điều 148/BLTTDS; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự với các nội dung sau:

Ông Võ Văn Đ có trách nhiệm trả cho ông Quàng Văn K tổng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) bao gồm tiền gốc và tiền lãi. Chia làm 02 lần trả vào các mốc thời gian cụ thể như sau:

- Lần 1: Trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 30/10/2023.

- Lần 2: Trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào ngày 30/12/2023.

2. Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông K phải chịu 5.000.000 đồng án phí DSST có giá ngạch; Ông Đ phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Ông K được khấu trừ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 4.204.000 (Bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/08199 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông K còn phải nộp thêm là 796.000 đồng án phí DSST có giá ngạch (chưa nộp). Ông Đ phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí DSST có giá ngạch (chưa nộp).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Quàng Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0002230, ngày 25/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/09/2023).

Nơi nhận:
- TAND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CC THADS TP Điện Biên Phủ;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thanh Thủy